

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-ST.

Ngày: 09-11-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thanh Đương

Bà Đàm Thị Thanh Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST – DS ngày 30/9/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 126/2020/QĐST-DS ngày 21/10/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Tăng T**, sinh năm 1952 (Có mặt)

HKTT: Khóm O, Phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Cửa hàng T, khóm P, phường I, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà **Phùng N**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O, Phường U, thị xã N, Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tăng T trình bày:*

Ngày 24/3/2016 đương lịch ông có cho bà Phùng N hời mượn số tiền 3.300.000 đồng, thỏa thuận 10 ngày trả vốn và lãi cho ông, hai bên có thỏa thuận là lãi suất 1%/tháng nhưng đến hạn bà N không có trả vốn và trả lãi cho ông, đến ngày 10/10/2016 bà N trả cho ông số tiền 300.000 đồng, sau đó mỗi lần bà N đưa cho ông là 10.000 đồng từ ngày 10/10/2016 đến ngày 10/7/2017, bà N trả ông được tổng cộng là 40 lần, số tiền là 400.000 đồng. Việc trả tiền này chỉ có ông và bà N biết, không có giấy tờ gì. Từ đó về sau bà N không có trả tiền cho

ông nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông T thay đổi một phần đơn kiện, yêu cầu trừ số tiền 700.000 đồng đã trả vào vốn, chỉ yêu cầu bà N trả cho ông số tiền còn lại là 2.600.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

*2/ Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020, 06/10/2020 và ngày 16/11/2020 bị đơn bà Phùng N trình bày:*

Bà thừa nhận có thiếu của ông T số tiền 3.300.000 đồng nhưng số tiền này bà đã trả cho ông T rồi, trả góp mỗi ngày 10.000 đồng, đến nay bà đã không còn nợ ông T nữa. Việc bà góp cho ông T thì không có làm giấy tờ gì chỉ có chị dâu của bà là bà Phan P ở khóm O, phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng biết, bà chỉ yêu cầu xác minh bà P.

*3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phùng N trả cho ông T số tiền 2.600.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Phùng N vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Nguyên đơn và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn bà N nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà N.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn ông T thay đổi một phần đơn kiện, chỉ yêu cầu bà N trả số tiền vốn là 2.600.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Tăng T yêu cầu bị đơn bà Phùng N trả số tiền vốn vay là 2.600.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 24/3/2016 dl. Bị đơn bà Phùng N không đồng ý trả cho ông T số tiền này vì cho rằng bà đã trả cho ông T hết rồi. HĐXX nhận thấy, theo giấy mượn tiền lập ngày 24/3/2016 dl có nội dung

bà Phùng N mượn tiền của ông Tăng T số tiền 3.300.000 đồng và căn cứ vào biên bản lấy lời khai của bị đơn bà Phùng N lập ngày 26/8/2020 thì bà N thừa nhận có nợ ông T số tiền 3.300.000 đồng. Việc thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS. Cho nên HĐXX xác định bà N có vay mượn của ông T số tiền 3.300.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, bà N cho rằng đã trả cho ông T hết số tiền đã thiếu nhưng việc bà N trả tiền cho ông T không có giấy tờ tài liệu gì để chứng minh; đồng thời bà N có yêu cầu xác minh bà Phan P ngụ xóm O, phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, xét thấy, Tòa án cũng đã đến nhà bà P hai lần để xác minh nhưng không gặp được bà P để ghi ý kiến; bà P là chị dâu thứ hai của bà N, bà P cũng từng phát sinh tranh chấp hợp đồng vay với ông T tại Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm nên việc xác minh lời khai của bà P cũng không thể làm căn cứ cho lời trình bày của bà N, ngoài bà P thì bà N không có yêu cầu xác minh thêm ai cũng như ông T không thừa nhận bà N đã trả hết số tiền này cho ông T mà ông T chỉ thừa nhận bà N có trả cho ông số tiền 700.000 đồng nên ý kiến của bà N không có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Việc thỏa thuận vay mượn tiền giữa ông T và bà N là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo giấy mượn tiền lập ngày 24/3/2016 dl thì 10 ngày sau khi lập biên nhận bà N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay nhưng đến thời điểm này thì bà N vẫn chưa trả tiền cho ông T là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên việc ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà N trả lại tiền vay mượn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, ông T cho rằng có nhận của bà N số tiền vốn 700.000 đồng và đồng ý trừ số tiền vốn 700.000 đồng, chỉ yêu cầu bà N trả số tiền vốn là 2.600.000 đồng là có cơ sở và có lợi cho phía bị đơn bà N nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của ông Tuấn.

[3] Xét về lãi suất: Ông T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phùng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng T về việc yêu cầu bà Phùng N trả lại số tiền vay mượn.

Buộc bà Phùng N trả cho ông Tăng T số tiền vốn 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông T yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà N còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí:

Bà Phùng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn ông Tăng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đặng Thị Vàng**